

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/DS-PT
Ngày: 16/01/2026.
V/v: tranh chấp hợp
đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Chi
Ông Lê Thành Trung

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 629/2025/TLPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 171/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 766/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1986 địa chỉ: số E, khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Huỳnh Duy K, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp B, xã B, tỉnh Vĩnh Long (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 24/02/2025). (có mặt)

Bị đơn:

- Ông Đỗ Hoàng T, sinh năm 1989 (có mặt)

- Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1989 (có mặt)

Cùng địa chỉ: số C, khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của các bị đơn là luật sư Bùi Văn K1 (Công ty L3) thuộc đoàn luật sư Thành phố H. (có mặt).

Người kháng cáo: ông Đỗ Hoàng T, bà Trần Thị Tuyết M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L và tại phiên tòa sơ thẩm anh Huỳnh Duy K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn khai:

Do quen biết, vào ngày 16/3/2022 bà Nguyễn Thị Kim L có cho vợ chồng ông Đỗ Hoàng T và bà Trần Thị Tuyết M vay số tiền 970.000.000 đồng (Chín trăm bảy mươi triệu đồng), không quy định thời hạn vay, bị đơn có viết giấy nhận nợ nội dung “ *Vợ chồng tui là Đỗ Hoàng T, Trần Thị Tuyết M có mượn chị Nguyễn Thị Kim L số tiền 970.000.000 đồng (Chín trăm bảy mươi triệu đồng) vợ chồng tui hứa mỗi tháng sẽ trả cho chị L từ 6.000.000đồng đến 10.000.000đồng*” ông T và bà M ký tên ghi họ tên. Lãi suất các bên thỏa thuận bằng lời nói là 3%/tháng, nhưng từ khi nhận tiền thì bị đơn không thực hiện như lời hứa không trả tiền lãi, không trả vốn gốc cho nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Hoàng T và bà Trần Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả bà L số tiền vay gốc 970.000.000 đồng (Chín trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 16/3/2022 đến ngày 16/01/2025 là 34 tháng bằng 273.734.000đồng, tổng cộng là 1.243.734.000đồng (Một tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Bị đơn ông Đỗ Hoàng T: từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả công khai chứng cứ cho phía bị đơn, nhưng cho đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn hoàn toàn không có ý kiến hay văn bản gì gửi cho Tòa án.

Bà Trần Thị Tuyết M khai:

Trước ngày 15/3/2021 nhiều lần ông T và bà M vay tiền của bà L nên ngày 15/3/2021 bà L kêu viết giấy nhận nợ số tiền tổng cộng là 350 triệu đồng. Sau đó có mượn thêm tiền nữa nên đến ngày 23/3/2021 là 470 triệu đồng, ông T và bà M có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà L thửa đất 241, tờ bản đồ số 13, diện tích 591,7m² loại đất ở trồng cây lâu năm tọa lạc phường T, thành phố V để làm tin, nhưng đất vẫn do ông T và bà M quản lý sử dụng. Năm 2022 bà L yêu cầu trả lại tiền bị đơn không có tiền trả, bà L nói nếu không trả bà sẽ bán đất cho người khác với giá là 600 triệu đồng, ông T và bà M không đồng ý vì giá đó thấp nên ông T, bà M tìm được bà Trần Thị Phượng L1 sinh năm 1990, địa chỉ: số G, khóm M, phường T, thành phố V đồng ý mua với giá 780 triệu đồng, nhưng bà M kêu bà L1 nói với bà L là mua với giá 600 triệu đồng (để trả cho bà L số tiền 600 triệu đồng), phần chênh lệch 180 triệu đồng bà M giữ làm vốn làm ăn. Bà L nói phải viết giấy nợ bà L mới ký tên làm thủ tục sang tên cho bà L1 nên bà M viết giấy biên nhận ngày 16/3/2022 thừa nhận nợ bà L 970 triệu đồng và ông T có ký tên. Sau đó, bà L ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/3/2022 sang tên thửa đất 241, tờ bản đồ số 13, diện tích 591,7m² loại đất ở trồng cây lâu năm tọa lạc phường T, thành phố V cho bà L1, bà L1 trả tiền đất cho bà M và có đưa bà L số tiền 600 triệu đồng, nên bà L1 biết rõ ngày 16/3/2022 bà M có trả cho bà L số tiền 600 triệu đồng. Bà L1 không biết việc bà M nợ bà L tất cả bao nhiêu tiền, nhưng có chứng kiến việc bà M trả số tiền 600 triệu đồng. Từ đó đến nay bị đơn không có trả thêm khoản tiền nào cho nguyên đơn, cứ nghĩ là đã trả nợ xong, nhưng bà L không trừ vào tiền nợ 970 triệu đồng. Việc trả số tiền 600 triệu đồng cho bà L không có

làm biên nhận. Bà M xác định tính đến nay bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn 370 triệu đồng và đồng ý trả 370 triệu đồng, không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 147/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Vĩnh Long đã quyết định:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Kim L đối với ông Đỗ Hoàng T và Bà Trần Thị Tuyết M.

-Buộc ông Đỗ Hoàng T và Bà Trần Thị Tuyết M có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền là 1.300.091.000đồng (Một tỷ ba trăm chín mươi một nghìn đồng) (Trong đó, vốn gốc là 970.000.000đồng, lãi là 330.091.000đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, về nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2025 bị đơn ông Đỗ Hoàng T và bà Trần Thị Tuyết M kháng cáo bản án sơ thẩm số 171/2025/DS- ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 –Vĩnh Long, với nội dung như sau:

Sửa bản án số 171/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long theo hướng:

- Tiến hành đối chất giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L với các bị đơn Đỗ Hoàng T, Trần Thị Tuyết M và Trần Thị Phụng L1 để làm rõ số tiền 600.000.000đ mà bà L đã nhận từ bà L1 theo yêu cầu của vợ chồng bà M và làm rõ số tiền nợ gốc, lãi suất như thế nào, có hay không việc dồn lãi vào gốc với lãi suất cao nên ra số tiền 970.000.000đ theo biên nhận ngày 16/3/2022.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì các bị đơn chỉ có nợ gốc 470.000.000đ, tiền lãi 47.000.000đ và đã trả 600.000.000đ vào ngày 16/3/2022 nên các bị đơn không có nghĩa vụ trả tiền cho bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư Bùi Văn K1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày, các bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các căn cứ kháng cáo là bị đơn không nợ nguyên đơn số tiền 970 triệu đồng, chỉ vay số tiền 470 triệu đồng vào ngày 17/3/2021. Bản án sơ thẩm không xem xét, đánh giá toàn diện các chứng cứ mà buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền 970 triệu đồng và lãi suất là không phù hợp. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 370 triệu đồng.

Anh Huỳnh Duy K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của các bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử phúc thẩm.

Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định tại Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Hoàng T, bà Trần Thị Tuyết M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 171/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Vĩnh Long.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Đỗ Hoàng T, bà Trần Thị Tuyết M chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: đơn kháng cáo của các bị đơn Đỗ Hoàng T, Trần Thị Tuyết M làm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của các bị đơn Đỗ Hoàng T, Trần Thị Tuyết M:

[3.1] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu đối chất giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L với các bị đơn Đỗ Hoàng T, Trần Thị Tuyết M và Trần Thị Phương L2 để làm rõ số tiền 600.000.000đ mà bà L đã nhận từ bà L2 theo yêu cầu của vợ chồng bà M và làm rõ số tiền nợ gốc, lãi suất như thế nào, có hay không việc dồn lãi vào gốc với lãi suất cao nên ra số tiền 970.000.000đ theo biên nhận ngày 16/3/2022, xét thấy:

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 1- Vĩnh Long đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham dự phiên tòa sơ thẩm vào các ngày 18/8/2025 và ngày 08/9/2025 cho ông Đỗ Hoàng T và bà Trần Thị Tuyết M đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn ông Đỗ Hoàng T không tham gia tố tụng, không làm văn bản trình bày ý kiến, không thực hiện quyền nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự phải chịu hậu quả do không tuân thủ quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bà Trần Thị Phương L1 có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 13/01/2026 do phía bị đơn nộp, do đó không thể thực hiện được việc đối chất với bà Trần Thị Phương L1 theo yêu cầu của các bị đơn.

[3.2] Đối với nội dung kháng cáo có hay không việc dồn lãi suất vào gốc với lãi suất cao nên ra số tiền 970.000.000đ theo giấy xác nhận nợ đề ngày 16/3/2022, xét thấy: tại phiên tòa phúc thẩm bà M thừa nhận toàn bộ nội dung xác nhận nợ do bà M viết và ký tên có nội dung: “*Vợ chồng tui là Đỗ Hoàng T,*

Trần Thị Tuyết M có mượn chị Nguyễn Thị Kim L số tiền 970.000.000 đồng (Chín trăm bảy chục triệu đồng)..... mỗi tháng trả từ 6.000.000 đến 10.000.000 đồng”, ông Đỗ Hoàng T và bà Trần Thị Tuyết M ký tên xác nhận nợ. Bà M là người trực tiếp viết xác nhận nợ ngày 16/3/2022, nếu tiền lãi cộng dồn vào tiền vốn thì tại sao bà M không ghi rõ vào biên nhận là vốn bao nhiêu, lãi suất cộng vào bao nhiêu. Toàn bộ nội dung biên nhận không thể hiện có tiền lãi cộng dồn vào tiền vốn, trong trường hợp này nghĩa vụ chứng minh thuộc về bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh tiền lãi cộng dồn vào tiền vốn thành số tiền 970 triệu đồng, nguyên đơn không thừa nhận, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo phản này của các bị đơn.

[3.3] Đối với nội dung kháng cáo các bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn số tiền 600.000.000 đồng nên còn nợ số tiền 370.000.000đồng và việc trả nợ thể hiện là bị đơn bán thửa đất số 241 cho bà L1 và bà L1 đã đưa số tiền 600.000.000đ cho bà L. Nhưng căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 16/3/2022 giữa bà L và bà L1 thì giá đất chuyển nhượng là 380 triệu đồng, bà M cho rằng chuyển nhượng thửa 241 là 780 triệu đồng, nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì thể hiện giá đất chuyển nhượng là 780 triệu đồng. Ngoài lời trình bày thì bà M không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc bán đất đã trả nợ cho nguyên đơn số tiền 600 triệu đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của nguyên đơn thừa nhận nguyên đơn có nhận của bị đơn số tiền 600.000.000đ do bà L1 đưa, nhưng đó là trả khoản nợ vay trước đó, sau đó thì bà M mới viết biên nhận còn nợ lại số tiền 970.000.000đ và do bà M không còn tài sản để trả nợ nên bà M mới ghi trả mỗi tháng từ 6.000.000 đến 10.000.000 đồng. Lời trình bày này của nguyên đơn là phù hợp, bởi vì nếu bị đơn đã trả nợ cho nguyên đơn số tiền 600.000.000đ thì số tiền còn lại bao nhiêu bị đơn mới viết biên nhận nợ. Bị đơn cho rằng biên nhận vay tiền ngày 16/3/2022 viết trước, hợp đồng chuyển nhượng giữa bà L và bà L1 viết sau, nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó bị đơn cho rằng đã trả nguyên đơn số tiền 600.000.000đ, nhưng nguyên đơn không trừ vào biên nhận ngày 16/3/2022 là không có căn cứ chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được Tòa án thông báo kết quả công khai chứng cứ là xác nhận nợ ngày 16/3/2022 do nguyên đơn cung cấp, nhưng ông T không có bất cứ ý kiến nào phản đối chứng cứ do bên nguyên đơn đưa ra. Do đó Bản án sơ thẩm căn cứ vào xác nhận nợ ngày 16/3/2022 để buộc ông T, bà M có nghĩa vụ trả nguyên đơn số tiền 970 triệu đồng là có căn cứ. Do ông T, bà M không trả nợ theo đúng thỏa thuận trong giấy nhận nợ nên phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 0,83%/tháng là đúng quy định của pháp luật, số tiền lãi phải trả là 330.091.000đ.

Ông Đỗ Hoàng T và bà Trần Thị Tuyết M không đưa ra được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Hoàng T và bà Trần Thị Tuyết M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 171/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Vĩnh Long.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đỗ Hoàng T và bà Trần Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án, mỗi người phải chịu là 300.000đ.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về lãi suất, về án phí sơ thẩm, về nghĩa vụ thi hành án, về trách nhiệm chậm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đỗ Hoàng T và bà Trần Thị Tuyết M.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 171/2025/DS- ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Kim L đối với ông Đỗ Hoàng T và bà Trần Thị Tuyết M.

2. Buộc ông Đỗ Hoàng T và bà Trần Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị Kim L số tiền gốc 970.000.000đồng, tiền lãi 330.091.000đồng, tổng cộng là 1.300.091.000đồng (Một tỷ, ba trăm triệu, không trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Đỗ Hoàng T và bà Trần Thị Tuyết M mỗi người phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm các đương sự đã nộp theo các biên lai số 0004832 và 0004833, cùng ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông T, bà M đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm, về nghĩa vụ thi hành án, về trách nhiệm chậm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Đương sự;
- TAND khu vực 1 -VL;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình

